

TÓM TẮT BÀI GIẢNG NÂNG CAO

Chuyên đề: Câu Ghép (Connected Statements) & Liên Từ Tương Hỗ (Correlative Conjunctions)

1. Câu ghép (Connected Statements)

Dùng để tránh lặp lại toàn bộ câu khi hai đối tượng cùng thực hiện một hành động hoặc có cùng tính chất, trạng thái.

A. Dạng khẳng định (Đồng ý với điều khẳng định): Dùng **Too** hoặc **So**

Câu trúc 1: $S_1 + V_1$, and $S_2 + do/does/did$, too

Câu trúc 2: $S_1 + V_1$, and so + $do/does/did + S_2$

VÍ DỤ MINH HỌA CHI TIẾT:

- **Cơ bản:** I remembered the rule and she remembered it, too. → I remembered the rule and she **did, too** (hoặc: ...and **so did she**). (Tôi nhớ quy tắc và cô ấy cũng vậy.)
- **Ví dụ 1 (Hiện tại đơn - Động từ thường):** My brother likes playing football and I like playing football, too. → My brother likes playing football and I **do, too** (hoặc: ...and **so do I**).
- **Ví dụ 2 (Quá khứ đơn):** They passed the graduation exam easily and we passed the graduation exam easily, too. → They passed the graduation exam easily and we **did, too** (hoặc: ...and **so did we**).
- **Ví dụ 3 (Động từ "To be"):** Hoa is very excited about the new English course and her close friend is excited, too. → Hoa is very excited about the new English course and her close friend **is, too** (hoặc: ...and **so is her close friend**).
- **Ví dụ 4 (Thì tương lai đơn):** Nam will join our online study group tomorrow and Linh will join, too. → Nam will join our online study group tomorrow and Linh **will, too** (hoặc: ...and **so will Linh**).

B. Dạng phủ định (Đồng ý với điều phủ định): Dùng *Either* hoặc *Neither*

Cấu trúc 1: $S_1 + \text{trợ động từ} + \text{not} + V$, and $S_2 + \text{trợ động từ} + \text{not}$, **either**

Cấu trúc 2: $S_1 + \text{trợ động từ} + \text{not} + V$, and **neither** + trợ động từ khẳng định + S_2

VÍ DỤ MINH HỌA CHI TIẾT:

- **Cơ bản:** I don't like fish and he doesn't like fish. → I don't like fish and he **doesn't, either** (hoặc: ...and **neither does he**). (*Tôi không thích cá và anh ấy cũng vậy.*)
- **Ví dụ 1 (Hiện tại đơn):** She doesn't understand this grammar point and her classmate doesn't understand it, either. → She doesn't understand this grammar point and her classmate **doesn't, either** (hoặc: ...and **neither does her classmate**).
- **Ví dụ 2 (Quá khứ đơn):** Nam didn't finish his homework on time and Hung didn't finish his homework on time, either. → Nam didn't finish his homework on time and Hung **didn't, either** (hoặc: ...and **neither did Hung**).
- **Ví dụ 3 (Động từ "To be"):** Lan isn't good at chemistry and her brother isn't good at chemistry, either. → Lan isn't good at chemistry and her brother **isn't, either** (hoặc: ...and **neither is her brother**).
- **Ví dụ 4 (Động từ khuyết thiếu - Modal Verbs):** They can't solve this difficult math problem and we can't solve it, either. → They can't solve this difficult math problem and we **can't, either** (hoặc: ...and **neither can we**).

2. Liên từ tương hỗ (Correlative Conjunctions)

Là những cặp từ luôn đi đôi với nhau để kết nối các từ, cụm từ hoặc mệnh đề có tầm quan trọng ngang nhau trong câu.

A. Both... and... (Cả... và...)

Dùng để khẳng định tính chất hoặc hành động cho cả hai đối tượng. Động từ đi kèm luôn ở dạng số nhiều.

VÍ DỤ MINH HỌA:

- **Both** Mr. Phong **and** his students **love** English learning. (Cả thầy Phong và học sinh của ông ấy đều yêu thích việc học tiếng Anh.)
- **Both** Mary **and** John **are** preparing for the upcoming university entrance exam. (Cả Mary và John đều đang chuẩn bị cho kỳ thi tuyển sinh đại học sắp tới.)
- She can speak **both** English **and** French fluently. (Cô ấy có thể nói trôi chảy cả tiếng Anh và tiếng Pháp.)

B. Either... or... (Hoặc... hoặc...)

Dùng để chỉ sự lựa chọn giữa hai khả năng. Động từ chia theo chủ ngữ đứng gần nó nhất (quy tắc gần nhất).

VÍ DỤ MINH HỌA:

- You can **either** call me **or** send an email for technical support. (Bạn có thể gọi điện cho tôi hoặc gửi email để được hỗ trợ kỹ thuật.)
- **Either** Nam **or** his friends **are** going to clean the classroom. (Hoặc Nam hoặc các bạn của cậu ấy sẽ đi dọn dẹp lớp học.)
- We will **either** stay at home **or** go to the cinema this weekend. (Cuối tuần này chúng ta sẽ ở nhà hoặc đi xem phim.)

C. Neither... nor... (Không... mà cũng không...)

Dùng để phủ định cho cả hai đối tượng. Động từ chia theo chủ ngữ gần nhất.

VÍ DỤ MINH HỌA:

- **Neither I nor** she **remembered** the meeting schedule. (Cả tôi và cô ấy đều không nhớ lịch họp.)
- **Neither** the teacher **nor** the students **were** absent from class yesterday. (Cả giáo viên và học sinh đều không vắng mặt ở lớp ngày hôm qua.)
- He drinks **neither** coffee **nor** tea in the morning. (Anh ấy không uống cả cà phê lẫn trà vào buổi sáng.)

D. Not only... but also... (Không những... mà còn...)

Dùng để nhấn mạnh hai đặc điểm hoặc hành động cùng thuộc về một đối tượng, thể hiện mức độ tiến triển hoặc bổ sung.

VÍ DỤ MINH HỌA:

- He is **not only** talented **but also** very hard-working. (Cậu ấy không những tài năng mà còn rất chăm chỉ.)
- The online system **not only** saves time **but also** improves student test scores. (Hệ thống trực tuyến không những tiết kiệm thời gian mà còn nâng cao điểm số bài kiểm tra của học sinh.)
- She **not only** sings beautifully **but also** plays the piano professionally. (Cô ấy không những hát hay mà còn chơi piano rất chuyên nghiệp.)

Lưu ý kỹ thuật: Chương trình tiếng Anh tương tác “From ZERO to MASTER” chạy rất tốt trên các trình duyệt hiện đại như Chrome, Firefox, Cốc Cốc, Opera... Tuy nhiên, chương trình không hỗ trợ trình duyệt cũ Internet Explorer.

Mọi thắc mắc về ngữ pháp và kỹ thuật cần giải đáp, xin vui lòng liên hệ trực tiếp với **Mr. Lê Đại Phong**.

• **Phone + Zalo:** 0971386608 | **Email:** typhoon620@gmail.com

• Luyện thi cấp tốc vào lớp 10 & tốt nghiệp THPT tại website chính thức: www.tienganhhaiphong.vn